TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LƯƠNG NGỌC YẾN ANH**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **NGUYỄN ĐỨC ĐẸP**
2. Bà **NGUYỄN THỊ MỘNG LÀNH**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang*** tham gia phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ TRANG** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1148/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**;
Nơi ĐKNKTT: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: 170/6 V, phường 5, quận 3, thành phố H. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông **Hồ Hữu T**;
Nơi ĐKNKTT: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Tôi và ông Hồ Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2002, tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N. Thời gian đầu mới kết hôn, chúng tôi sống tại thôn T, xã V, thành phố N được 03 tháng thì chuyển vào thị trấn T, huyện H, tỉnh B sinh sống. Quá trình chung sống, chúng tôi đã có nhiều mâu thuẫn do ông T thường xuyên rượu chè và đánh đập tôi. Ông T không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp kinh tế để tôi nuôi con. Tôi đã cố gắng chịu đựng, bỏ qua và khuyên can ông T rất nhiều nhưng vẫn không hề thay đổi. Do đó, tôi và ông T đã tự ly thân từ năm 2013 đến nay, tôi nuôi cháu Hồ Nguyễn Khánh B; còn ông T nuôi cháu Hồ Nguyễn Hữu B. Đến năm 2015, tôi cùng con gái chuyển vào thành phố H sinh sống cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên tôi làm đơn xin Tòa án cho tôi được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 con chung Hồ Nguyễn Hữu B, sinh ngày: 08/12/2002 và Hồ Nguyễn Khánh B, sinh ngày: 01/11/2009. Tôi xin được nuôi cháu Khánh B và giao cháu Hữu B cho ông T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông Hồ Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Hồ Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Hồ Hữu T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2002, cấp ngày 30/8/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T không hạnh phúc do ông T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè, đánh đập bà H; dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai người đã tự sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, bỏ mặc, không chia sẻ cũng như không quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, bà H khẳng định không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Hồ Hữu T đến làm việc. Nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa, ông T không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy ông T không có thiện chí trong việc mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Như vậy, mục đích hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Hữu T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khai có 02 con chung là cháu Hồ Nguyễn Hữu B, sinh ngày: 08/12/2002 và Hồ Nguyễn Khánh B, sinh ngày: 01/11/2009. Bà Hà xin được nuôi cháu Khánh B và giao cháu Hữu B cho ông T nuôi dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 16/6/2017, cháu Hồ Nguyễn Hữu B có nguyện vọng được ở với ba (ông Hồ Hữu T) và cháu Hồ Nguyễn Khánh B có nguyện vọng được ở với mẹ (bà Nguyễn Thị H).

Tòa xét: Năm 2013, khi bà H và ông T sống ly thân, bà H dẫn theo cháu Khánh B, còn ông T nuôi cháu Hữu B. Hiện nay, cháu Hữu B có nguyện vọng được tiếp tục sống chung ông T, cháu Khánh B có nguyện vọng được tiếp tục sống chung

với bà H. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hồ Nguyễn Hữu B, sinh ngày: 08/12/2002 cho ông Hồ Hữu T, tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Giao cháu Hồ Nguyễn Khánh B, sinh ngày: 01/11/2009 cho bà Nguyễn Thị H, tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn, là hợp lý.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Hồ Hữu T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[6] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Hữu T được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cháu Hồ Nguyễn Khánh B, sinh ngày: 01/11/2009 cho bà Nguyễn Thị H, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

- Giao cháu Hồ Nguyễn Hữu B, sinh ngày: 08/12/2002 cho ông Hồ Hữu T, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/0011435

ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Hữu T vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. N;
- Đương sự;
- THADS huyện H, tỉnh B;
- TAND tỉnh K;
- UBND xã V, Tp. N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh